TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22- 4-2020
V/v ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Vũ Thị Quỳ

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Quý Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố H Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn và nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 và Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 02/2020/TB-TA ngày 01 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị Kim A, sinh năm 1985; đăng ký nhân khẩu thường trú: Khu B, thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1983; đăng ký nhân khẩu thường trú: Khu B, thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 24 tháng 11 năm 2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện K, nguyên đơn là chị Bùi Thị Kim A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim A và anh Nguyễn Thanh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 10 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh chị cùng chung sống tại khu B, thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị Kim A

và anh H chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh H chơi bời và không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Do mâu thuẫn nên hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau, mặc dù đã được gia đình và địa phương hòa giải nhưng không cải thiện được. Do mâu thuẫn nên chị Kim A và anh H đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay, trong quá trình ly thân hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Kim A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị Kim A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị Kim A khai vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tùng D sinh ngày 27/11/2010 và Nguyễn Ngọc Bảo C sinh ngày 04/01/2013, hiện cả hai cháu đang do chị Kim A nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn chị Kim A đề nghị được nuôi cả hai cháu vì các cháu đều có nguyện vọng được ở với chị, mặt khác chị có công ăn việc làm ổn định có thể chăm lo cho các cháu. Anh H không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên không có điều kiện để chăm lo cho các con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Kim A để tự thỏa thuận với anh H do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Kim A khai vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Thanh H vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên anh cũng có lời khai tại Tòa án thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân anh H đồng ý với lời khai của chị Kim A về điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị Kim A có đơn yêu cầu ly hôn với anh, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Về con chung anh H khai hai vợ chồng có 02 con chung như chị Kim A khai là đúng, trường hợp ly hôn anh đề nghị được nuôi con là cháu Nguyễn Tùng D.

Về tài sản chung: Anh H khai vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Kim A và anh Nguyễn Thanh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Kim A được ly hôn anh H. Về con

chung, giao hai con là Nguyễn Tùng D và Nguyễn Ngọc Bảo C cho chị Kim A nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị Kim A và anh H tự thỏa thuận giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung do chị Kim A và anh H tự thỏa thuận giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyên đơn pH chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Thanh H đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh H có mặt tại Toà án trình bày ý kiến của mình về việc chị Bùi Thị Kim A có đơn xin ly hôn nhưng anh H vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là anh Nguyễn Thanh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Kim A và anh Nguyễn Thanh H là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh H không quan tâm tới cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi mắng xúc phạm nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay, trong thời gian ly thân hai bên không còn quan tâm đến nhau mặc dù đã được người thân hai bên gia đình hòa giải. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Kim A và anh H phù hợp với lời khai của hai bên. Chị Kim A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H, anh H không đồng ý lý hôn nhưng anh H không có mặt tại Tòa theo giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị Kim A và anh H đã trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Kim A xin ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Chị Kim A và anh H có 02 con chung là Nguyễn Tùng D, sinh ngày 27/11/2010 và Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 04/01/2013. Trường hợp ly hôn chị Kim A đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, anh H đề nghị được nuôi dưỡng con là Nguyễn Tùng D. Việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như đảm bảo quyền được chăm sóc nuôi dưỡng con của cả cha, mẹ. Xét hiện nay, chị Kim A đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con và các cháu D, Châu cũng có lời khai thể hiện có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị Kim A đồng thời xuất trình tài liệu chứng cứ thể hiện chị hiện đang là giáo viên, có thu nhập ổn định và thời gian để có thể chăm lo cho các con còn anh H không có công việc, không có thu nhập ổn định nên không có khả năng chăm lo tốt cho các con. Anh H mặc dù đã được Tòa án

thông báo về việc giao nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh về điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con chung như nơi ở, nghề nghiệp, thu nhập hàng tháng... nhưng anh H không cung cấp cho Tòa án. Như vậy xét về mọi mặt, chị Kim A có điều kiện chăm sóc con chung đảm bảo hơn so với anh H, cần chấp nhận đề nghị của chị Kim A, giao hai con chung cho chị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị Kim A đề nghị để tự thỏa thuận với anh H nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Kim A và anh H thống nhất khai vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Kim A và anh Nguyễn Thanh H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Tùng D sinh ngày 27 tháng 11 năm 2010, Nguyễn Ngọc Bảo C sinh ngày 04 tháng 01 năm 2013 cho chị Bùi Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Tùng D, Nguyễn Ngọc Bảo C đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Kim A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị Kim A đã nộp theo biên lai số 0008777 ngày 16/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị Kim A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã N; huyện K (Số 58; quyển số 01/2009);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang